TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H ÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Võ Văn Phượng
2/ Ông Võ Thanh Điền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Buốl – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2021 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1112021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hoàng N, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Trà Thanh L, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Hoàng N trình bày: Vào năm 2009, bà Trần Thị Hoàng N và ông Trà Thanh L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/02/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 04 năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Bà N và ông L đã không còn chung sống từ tháng 04 năm 2010 đến nay. Nhận thấy hiện không còn tình cảm vợ chồng với ông L nên bà N yêu cầu được ly hôn. Thời gian chung sống bà N và ông L không có con chung, cũng không có tài sản chung và nợ chung.

Nay bà N yêu cầu được ly hôn với ông L. Về con chung, tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trà Thanh L, nhưng ông L không có văn bản gửi cho Tòa án để

trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà N, đồng thời ông L cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Trần Thị Hoàng N có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông Trà Thanh L, nhưng ông L vẫn vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N, ông L.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hoàng N, nhận thấy bà N và ông L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 16/02/2009. Quan hệ hôn nhân của bà N và ông L không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến tháng 04/2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã không còn chung sống từ tháng 04/2010 đến nay. Hiện bà N nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông L nên có nguyện vọng ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã động viên bà N suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông L, nhưng bà N vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông L.

[3] Về con chung: Bà N trình bày quá trình chung sống bà N và ông L không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hoàng N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hoàng N được ly hôn với ông Trà Thanh L.

- Về con chung: Bà Trần Thị Hoàng N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Hoàng N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Hoàng N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Hoàng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền ứng án phí bà N đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007752 ngày 28/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Trần Thị Hoàng N đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Ông Trà Thanh L không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND xã T, h. M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh